TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/DS-ST.
Ngày: 27-6-2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Đường Thanh Chánh**.
+ Ông **Phan Thành Phước**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Long V** - Sinh năm: 1973, địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kiều T** - Sinh năm: 1994; địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là ông Lê Long V trình bày:

Vào ngày 21 tháng 4 năm 2024, ông có bán trái sầu riêng cho chị Nguyễn Thị Kiều T mua với tổng số tiền là 478.826.000VNĐ (bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng), chị Kiều T có viết hai hóa đơn cùng ngày 21 tháng 4 năm 2024 gồm một hóa đơn với số tiền là 221.417.000VNĐ (hai trăm

hai mươi mốt triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng) và một hóa đơn với số tiền là 257.409.000VNĐ (hai trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm lẻ chín ngàn đồng) và hẹn 09 giờ ngày 22 tháng 4 năm 2024 sẽ trả đủ số tiền trên cho ông nhưng chị T không thực hiện; ngày 23 tháng 4 năm 2024 ông trực tiếp gặp chị T yêu cầu trả tiền nhưng chị T không trả tiền mà hẹn vào ngày khác sẽ trả. Do chị T không trả tiền nên ông đến Công an xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang để trình báo sự việc thì chị T có trả cho ông được 200.000.000VNĐ (hai trăm triệu đồng) và viết giấy xác nhận nợ ngày 23/4/2024 là còn nợ lại ông 278.826.000VNĐ (hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) và hứa sẽ thanh toán số tiền trên cho ông vào ngày 24 tháng 4 năm 2024 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho ông số tiền còn nợ là 278.826.000VNĐ (hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng), không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 6 năm 2024, bị đơn là chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày: Chị thừa nhận là cho đến hiện nay thì chị còn nợ ông V số tiền mua trái sầu riêng là 278.826.000VNĐ (hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) và đồng ý trả số tiền trên cho ông V.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Lê Long V giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản đối với bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là chị T vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2024 nhưng trước đó vào ngày 11 tháng 6 năm 2024 chị T có đơn đề nghị không hòa giải, ngày 13 tháng 6 năm 2024 nguyên đơn là ông V có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Lời trình bày của ông V về việc mua bán trái sầu riêng và số tiền chị T còn nợ đã được chị T thừa nhận và phù hợp với các hóa đơn, giấy xác nhận nợ có

trong hồ sơ vụ án mà ông V cung cấp. Từ đó có đủ cơ sở xác định được: Hiện nay chị T còn nợ ông V số tiền mua trái sầu riêng là 278.826.000VNĐ (hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) nên chị T phải có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền này.

[4] Về tiền lãi: Ông V không yêu cầu chị T phải trả tiền lãi nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của ông V được chấp nhận nên ông V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền 278.826.000VNĐ (hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng) là 13.941.000VNĐ (mười ba triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Long V. Cụ thể:

1/ Buộc chị Nguyễn Thị Kiều T có nghĩa trả cho ông Lê Long V số tiền mua trái sầu riêng còn nợ là 278.826.000VNĐ (hai trăm bảy mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng). Ghi nhận việc ông Lê Long V không yêu cầu trả tiền lãi.

2/ Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho ông Lê Long V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 6.971.000VNĐ (sáu triệu chín trăm bảy mươi mốt ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004640 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 13.941.000VNĐ (mười ba triệu chín trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ông Lê Long V có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; chị Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên